

NÂNG CAO NHẬN THỨC, BỔ SUNG VÀ PHÁT TRIỂN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA THỰC TIỄN VÀ CỦA THỜI ĐẠI MỞ RỘNG GIAO LƯU QUỐC TẾ

NGUYỄN TRỌNG CHUẨN(*)

Khẳng định sự cần thiết phải nhận thức lại cho đúng, phải đưa ra những kiến giải mới về các luận điểm cụ thể đã có trong chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, triết học Mác - Lênin nói riêng, đồng thời bổ sung và phát triển những luận điểm ấy cho phù hợp với thực tiễn hiện nay, trong bài viết này, tác giả đã chỉ ra và phân tích một số vấn đề liên quan đến lĩnh vực xã hội, như tư tưởng về quy luật quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, vấn đề giai cấp công nhân, vấn đề nguồn gốc và bản chất của sự sống, nguồn gốc con người với tư cách những vấn đề thời sự cần có sự kiến giải mới, nhận thức mới, bổ sung và phát triển.

1. Chúng ta đang sống trong điều kiện có nhiều cái rất khác so với thời mà V.I.Lênin, và nhất là C.Mác và Ph.Ăngghen, đã sống và sáng tạo. Khoa học và công nghệ có những bước tiến nhảy vọt góp phần tạo ra một lực lượng sản xuất mà xưa nay nhân loại chưa từng được chứng kiến. *Tri thức đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp* như C.Mác dự báo; năng suất lao động nhờ vậy tăng lên nhanh chóng và ở một mức rất cao. Nền kinh tế tri thức đã ra đời và đang vận hành khá hiệu quả ở nhiều nước phát triển. Quá trình quốc tế hoá mà vào thế kỷ XIX C.Mác nói đến đã thực sự trở thành quá trình toàn cầu hoá trong thời đại chúng ta. Ở các mức độ khác nhau, tất cả các nước đều bị cuốn hút hội nhập vào toàn cầu hoá, bởi vì, nó đã “xâm nhập vào khắp nơi, trụ lại ở khắp nơi và thiết lập những mối liên hệ ở khắp

nơi”(1). Trong khi cuốn hút tất cả các quốc gia vào quỹ đạo của mình, toàn cầu hoá vừa tạo những điều kiện thuận lợi, những cơ hội to lớn để các nước có thể bứt phá đi lên, song cũng lại vừa sản sinh ra những thách thức lẫn những nguy cơ không nhỏ, rất khó lường, có thể làm cho các nước kém phát triển tụt hậu xa hơn nữa. Nhân loại cũng đang phải đối mặt với những hậu quả nặng nề của sự hủy hoại môi trường sống do phát triển kinh tế không hợp lý, bất chấp quy luật gây ra. Quan hệ giữa con người và giới tự nhiên có quá nhiều điều bất ổn do chính lòng tham lam, thói ích kỷ và sự vô ý thức của con người gây ra.

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.4. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 601.

Bên cạnh đó, sự trì trệ dẫn đến khủng hoảng rồi sụp đổ gần như đồng thời của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và tất cả các nước Đông Âu vào cuối những năm 80 thế kỷ XX đã tác động mạnh mẽ đến thế giới đương đại về nhiều mặt. Tất cả những sự thực đó đã và đang xác nhận hoặc đòi hỏi chúng ta phải nhận thức lại một cách nghiêm túc, thật sự khoa học và ở trình độ hiện đại không ít luận điểm lý luận đã được đề xuất từ các thế kỷ trước. Đặc biệt, thực tiễn đòi hỏi phải loại bỏ những sự tuyệt đối hoá, những sự cắt xén hoặc sự giải thích sai lệch, có dụng ý do động cơ chính trị đối với các luận điểm khác mà C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đã nêu ra.

Nói tóm lại, cả trong xã hội loài người lẫn trong giới tự nhiên đã và đang có những biến động vô cùng sâu sắc đòi hỏi chúng ta phải nhận thức lại cho đúng, phải chỉ rõ cái gì là đích thị của các nhà kinh điển, cái gì do người đời sau đã giải thích hoặc thêm thắt vào một cách chủ quan, và khi có thể, phải đưa ra những kiến giải mới về các luận điểm cụ thể đã có trong chủ nghĩa Mác nói chung, trong triết học Mác – Lênin nói riêng; phải bổ sung và phát triển chúng cho phù hợp với thực tiễn hiện nay nhằm định hướng cho sự phát triển bền vững tiếp theo của xã hội trong mối quan hệ hài hoà với thiên nhiên. Làm điều này vừa là một sự tổng kiểm kê có hệ thống và đánh giá một cách khách quan, vừa là nâng cao nhận thức đối với các tư tưởng, các luận điểm quan trọng của triết học Mác – Lênin xuất phát từ thực tiễn xã hội và trên cơ sở khoa học hiện đại. Ai cũng có thể thấy đây là công việc không dễ dàng, đòi hỏi công sức của nhiều người, đòi hỏi sự trung

thực và khách quan khoa học. Dưới đây, bước đầu chỉ xin nêu và phân tích sâu hơn một số vấn đề cần có sự nhận thức lại cho đúng, trong phạm vi khả năng, liên quan đến những thành tựu mới nhất của khoa học hiện đại và thực tiễn xã hội hiện nay.

2. Một số vấn đề liên quan đến lĩnh vực xã hội

2.1. Có lẽ, một trong những tư tưởng cơ bản của C.Mác đã bị làm sai lệch nhiều nhất là tư tưởng về quy luật quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. Trong *Lời tựa* cuốn *Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị*, C.Mác viết rất rõ ràng, “trong sự sản xuất ra đời sống của mình, con người có những quan hệ nhất định, tất yếu, không tùy thuộc vào ý muốn của họ - tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất vật chất của họ... Từ chỗ là những hình thức phát triển của các lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành những xiềng xích của các lực lượng sản xuất. Khi đó bắt đầu thời đại một cuộc cách mạng xã hội... Không một hình thái xã hội nào diệt vong trước khi tất cả những lực lượng sản xuất mà hình thái xã hội đó tạo địa bàn đầy đủ cho phát triển, vẫn chưa phát triển, và những quan hệ sản xuất mới cao hơn, cũng không bao giờ xuất hiện trước khi những điều kiện tồn tại vật chất của những quan hệ đó chưa chín muồi trong lòng xã hội cũ”(2).

Các tư tưởng được C.Mác trình bày trên đây rất rõ ràng. Với C.Mác, *trình độ phát triển của lực lượng sản xuất là cái quyết*

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.13, tr.13-15. - Tác giả nhấn mạnh.

định, sự phát triển của lực lượng sản xuất sẽ quyết định tính chất của quan hệ sản xuất và quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất *lạc hậu* sẽ kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất và khi lạc hậu đến mức *trở thành xiềng xích kìm hãm sự phát triển* của lực lượng sản xuất thì sẽ nổ ra cách mạng xã hội để xoá bỏ hình thái xã hội cũ. Đó là một tất yếu khách quan, là quy luật.

Điều đáng nói ở đây là, người ta đã thêm vào quy luật được C.Mác diễn tả rất rõ ràng ấy hai chữ *tính chất* vào trước trình độ để từ đó tùy tiện ép buộc phải tiến hành cải tạo, xoá bỏ quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới càng nhanh càng tốt một cách chủ quan, duy ý chí. Thậm chí, có sách giáo khoa còn khẳng định rằng, quan hệ sản xuất phải đi trước mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển! Sự tùy tiện, chủ quan, duy ý chí nhưng lại được coi thể mới là “cách mạng” tiến công ấy đã xảy ra ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa trước đây cũng đã để lại hậu quả hết sức nặng nề cho đất nước ta. Sự trì trệ và khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài đã buộc Đảng ta phải nhận thức lại, phải sửa chữa những sai lầm, nhất là bổ sung và phát triển một trong những quy luật xã hội quan trọng bậc nhất đó. Đến bây giờ có thể khẳng định rằng, Đại hội lần thứ VI của Đảng đã thực hiện công việc trên một cách tuyệt vời khi nhận định: “Lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”(3).

Như vậy, nếu vào thời mình, C.Mác mới chỉ nói đến việc lực lượng sản xuất bị kìm hãm khi quan hệ sản xuất *lạc hậu* thì Đảng ta đã bổ sung thêm một vế quan trọng là cả khi có các yếu tố trong quan hệ sản xuất đi *quá xa* thì lực lượng sản xuất cũng bị kìm hãm, cũng không thể phát triển được. Sự bổ sung đó chính là căn cứ quan trọng bậc nhất để chúng ta tiến hành đổi mới toàn diện, yên tâm cho phép và tạo mọi điều kiện để tất cả các thành phần kinh tế và các loại hình sở hữu khác nhau được tồn tại và phát triển một cách bình đẳng, để thu hút vốn đầu tư nước ngoài khi chúng ta tích cực và chủ động hội nhập với thế giới và tham gia vào quá trình toàn cầu hoá hiện nay nhằm phát triển đất nước.

Có thể nói rằng, đây là một minh chứng hết sức có giá trị và rất thuyết phục về việc chúng ta đã nhận thức lại cho đúng, khắc phục sự thêm thắt một cách tùy tiện, đồng thời bổ sung và phát triển đối với một luận điểm quan trọng của triết học Mác thực sự đã có kết quả. Đặc biệt, cái kết quả đó ai cũng nhìn thấy rõ, song lại không thể nào tính ra thành tiền được, vì nó được tính bằng sự tiến bộ vượt bậc của kinh tế - xã hội, của việc đất nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài mà trong nhiều năm đã không được công khai thừa nhận.

2.2. Một vấn đề khác đang có ý nghĩa thời sự nóng hổi được đặt ra cho chúng ta cũng do những biến động mạnh mẽ trong khoa học, công nghệ và thực tế xã hội hiện đại. Đó là vấn đề giai cấp công nhân: định nghĩa, các bộ phận cấu thành và vai trò

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 57.

của nó trong xã hội hiện nay và trong tương lai. Khi nghiên cứu quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về công nhân và giai cấp công nhân cần tuân thủ quan điểm phát triển, bởi vì, quan điểm của các ông cũng có những sự tiến triển và bổ sung qua các thời kỳ. Chẳng hạn, vào những năm 1847-1848, khi nói về giai cấp công nhân, giai cấp vô sản, các ông chưa nhắc gì đến tầng lớp các bác sỹ, kỹ sư, nhà bác học, mà chỉ nói đó là “một giai cấp xã hội hoàn toàn chỉ kiếm sống bằng việc bán lao động của mình”, là “giai cấp những người hoàn toàn không có của”, là “giai cấp những công nhân làm thuê hiện đại, vì mất các tư liệu sản xuất của bản thân, nên buộc phải bán sức lao động của mình để sống”(4) thì đến năm 1893, tầng lớp trí thức đó đã được Ph.Ăngghen coi là một bộ phận không thể thiếu của giai cấp công nhân. Trong thư *Gửi Đại hội quốc tế các sinh viên xã hội chủ nghĩa* ngày 19-12-1893, Ph.Ăngghen viết: “Giai cấp vô sản lao động trí óc phải được hình thành từ hàng ngũ sinh viên” vì rằng, trong sự nghiệp của mình “giai cấp công nhân còn cần phải có những bác sỹ, kỹ sư, nhà hoá học, nông học và các chuyên gia khác, vì vấn đề là phải nắm lấy việc quản lý không chỉ bộ máy chính trị, mà còn cả toàn bộ nền sản xuất xã hội nữa”(5).

Như vậy, cùng với sự phát triển của xã hội, đặc biệt là khi cách mạng đã chuyển giai đoạn, khi giai cấp công nhân giành chính quyền thì giai cấp đó không chỉ có những người lao động chân tay, mà còn bao gồm cả tầng lớp những người trí thức của mình nữa. Điều này hết sức quan trọng đối với chúng ta khi đất nước đang từng bước tiến tới nền kinh tế trí thức, khi nhiệm vụ

trí thức hoá công nhân trở thành đòi hỏi bắt buộc, nếu chúng ta muốn đưa đất nước tiến kịp thế giới, tránh tụt hậu xa hơn trong quá trình hội nhập với kinh tế thế giới.

Còn rất nhiều luận điểm khác trong triết học mácxít liên quan đến lĩnh vực xã hội cũng cần được nhận thức lại và bổ sung bằng những kiến thức mới nhất rút ra từ thực tiễn xã hội hiện đại. Chẳng hạn như vai trò của văn hoá, của tôn giáo và văn hoá tôn giáo, vấn đề nhà nước, v.v.. Tuy nhiên, đây là những việc rất lớn cần có sự đầu tư thời gian nhiều hơn.

Tiếp theo, dưới đây, chúng tôi muốn đề cập tới hai vấn đề có liên quan đến các ngành khoa học cụ thể là vấn đề sự sống và vấn đề nguồn gốc loài người dưới ánh sáng của khoa học hiện đại.

2.3. Trong *Biện chứng của tự nhiên* và *Chống Duyrinh*, khi bàn về các hình thức vận động của vật chất, Ph.Ăngghen đã bàn rất sâu về hình thức vận động sinh học, trong đó có vấn đề nguồn gốc và bản chất của sự sống - một trong những vấn đề đã và đang gây nên sự bất đồng to lớn giữa các trường phái triết học, nhất là giữa chủ nghĩa duy vật với tôn giáo và thần học.

Vào những năm 70 của thế kỷ XIX, Ph.Ăngghen đã khẳng định rằng, sự sống nhất định xuất hiện bằng con đường hoá học; rằng, “hoá học tiếp cận sự sống hữu cơ và nó đã tiến khá xa khiến chúng ta có thể tin chắc rằng *chỉ có nó* mới có thể giải thích được bước quá độ biện chứng sang thể hữu cơ”(6). Khẳng định mang ý nghĩa phương pháp luận này ngày nay vẫn có giá trị khi

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, t.4, tr.456, 458, 496.

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, t.22, tr.613.

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, t.20, tr.744.

nhiều nhà khoa học đang nghiên cứu sự xuất hiện sự sống theo hướng đó và nó cũng đang được cả phòng thí nghiệm nhân tạo lẫn “phòng thí nghiệm tự nhiên” xác nhận là có triển vọng.

Tuy nhiên, khi coi “*sự sống là phương thức tồn tại của những thể anbumin*”(7), gắn sự sống với một cơ chất là anbumin, đồng thời khẳng định rằng, “chỉ còn một việc nữa cần phải làm... là giải thích sự phát sinh ra sự sống từ giới vô cơ. Ở giai đoạn hiện nay của khoa học, điều đó có nghĩa là tạo ra những chất anbumin từ những chất vô cơ”(8) thì cần phải được bổ sung bằng những kiến thức mới. Theo khoa học hiện đại thì một mình anbumin (tức là prôtêin) chưa đủ làm nên sự sống, phân tử anbumin không sống được, mặc dù nó là thành phần không thể thiếu của sự sống. Hơn thế nữa, khoa học đã tổng hợp được rất nhiều loại prôtêin khác nhau, song vấn đề sự sống vẫn chưa được giải quyết, bởi vì, ngoài prôtêin ra vật chất sống còn có các axít nucleic (ADN và ARN) và rất nhiều các nguyên tố hoá học khác. Nói cách khác, sự giải thích thật sự đúng đắn và đủ sức thuyết phục vấn đề nguồn gốc và bản chất của sự sống vẫn đang chờ những thành tựu mới của khoa học, vì vậy nó vẫn đang là mảnh đất tốt cho các quan điểm khác nhau tồn tại.

2.4. Một vấn đề khác cũng đang gây không ít sự tranh luận, thậm chí cả sự hoài nghi về tính đúng đắn trong quan điểm của Ph.Ăngghen là vấn đề *nguồn gốc con người*.

Nói một cách khách quan thì quan điểm khoa học tự nhiên về nguồn gốc động vật của loài người đã ít nhiều có cơ sở trong công trình *Lịch sử tự nhiên*(9) của

Buphông (G.L.L.Buffon, 1707-1788), khi ông coi động vật và con người có thể có một nguồn gốc chung. Trong công trình *Triết học động vật*, Lamác (J.-B.Lamarck, 1744-1829) cho rằng, do sự thay đổi tập quán sinh sống mà loài vượn phát triển lên thành loài người; rằng, loài người có nguồn gốc từ loài vượn(10). Tiếp đó là cuốn *Vị trí của con người trong tự nhiên* của T.Hơcxli (T.Huxley, 1825-1895) xuất bản năm 1863, trong đó ông chứng minh “sự gần gũi về mặt hình thái học giữa người và vượn, nhất là với hắc tinh tinh và vượn gôrila”.

Đặc biệt phải kể đến S.Đácuy-n với công trình *Nguồn gốc loài người và chọn lọc giới tính*(11) (1871), trong đó ông đã phác hoạ khá chi tiết sự gần gũi về máu mủ và về hệ tộc của con người, về sự tiến hoá của loài người từ động vật. Theo S.Đácuy-n, con người có tổ tiên của mình là một loài vượn - người mình đầy lông lá, có râu, có tai nhọn; sống theo từng đàn ở trên cây và cũng tiến hoá như tất cả các loài sinh vật khác; cũng chịu những sự biến dị dưới các tác động khác nhau của môi trường bên ngoài và của sự chọn lọc tự nhiên vô cùng khắc nghiệt. Trong quá trình tiến hoá lâu dài đó, con vượn - người nhờ đứng thẳng được mà hai chi trước được giải phóng khỏi chức năng nâng đỡ cơ thể và biến thành hai tay của con người. Trong công trình của mình, S.Đácuy-n đã đề cao vai trò của *sự chọn lọc*

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr.119.

(8) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr.676.

(9) Xem: Buffon G.L.L. *Histoire naturelle générale et particulière (General and particular natural history)*. Paris, 1749-1788.

(10) Xem: Ламарк Ж.-Б. *Философии зоологии*. М. - Л., 1935.

(11) Xem: Darwin Ch. *The Descent of Man, and Selection in Relation to Sex*. Vol.I, London, 1871.

tự nhiên và dường như coi nó có vai trò quyết định duy nhất trong việc chuyển biến con vượn - người thành con người. Thực tế là, S.Đacuyn chưa xét đến vai trò của các yếu tố xã hội trong quá trình tiến hoá của con người.

Tiếp thu những điểm hợp lý trong quan niệm của những người đi trước mình, nhất là của S.Đacuyn, Ph.Ăngghen đã đi xa hơn họ. Ông không chỉ dừng lại ở mặt tiến hoá sinh học, tiến hoá tự nhiên của con người từ động vật, cụ thể là từ vượn - người như S.Đacuyn quan niệm, mà còn xem xét sự tiến hoá đó từ một mặt hoàn toàn mới mẻ chưa được ai trước ông xem xét, đó chính là mặt xã hội, là sự tác động của các yếu tố xã hội đến sự hình thành con người.

Trong tác phẩm nổi tiếng *Tác dụng của lao động trong quá trình chuyển biến từ vượn thành người* (1876), Ph.Ăngghen đã đặc biệt xem xét sự tiến hoá đó từ mặt hoạt động lao động của con người, tức là từ mặt xã hội. Theo đó, hàng chục vạn năm trước đây đã từng có một loài vượn - người quen sống ở trên cây, nhưng do điều kiện khí hậu thay đổi bất lợi theo chiều hướng nhiệt độ ngày càng giảm dần và do ngày càng khó khăn hơn trong việc tìm kiếm thức ăn, v.v. cho nên loài vượn - người đã phải chuyển xuống sinh sống ở dưới đất. Vượn - người đã mất đi những thói quen cũ và hình thành những thói quen mới, đã đứng thẳng và di chuyển bằng hai chi sau. Khả năng đứng thẳng và di chuyển bằng hai chi sau dẫn đến nhiều cái lợi lớn như vượn - người có thể quan sát rộng hơn, xa hơn cho nên dễ phát hiện ra kẻ thù, tránh được các loại thú dữ và nhất là bàn tay vượn - người “đã được giải phóng” để lúc đầu sử dụng

những công cụ có sẵn trong tự nhiên, rồi dần dần chế tạo ra các công cụ mới, ra các tư liệu sinh hoạt mới cho mình.

Cũng về điều này, vào năm 1845 - 1846, C.Mác và Ph.Ăngghen đã từng viết trong *Hệ tư tưởng Đức* rằng, “bản thân con người bắt đầu bằng tự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình - đó là một bước tiến do tổ chức cơ thể của con người quy định”(12). Trải qua hàng vạn năm, nhờ lao động mà bàn tay vượn - người đã biến thành bàn tay con người. Theo Ph.Ăngghen, “bước quyết định trong sự chuyển biến từ vượn thành người đã được thực hiện” như vậy(13).

Ph.Ăngghen nhấn mạnh rằng, ở con người “bàn tay không những là khí quan dùng để lao động, mà còn là sản phẩm của lao động nữa”(14). Nếu ở về thứ nhất, Ph.Ăngghen muốn nói đến vai trò của đôi bàn tay với tính cách là khí quan để lao động, để “chế tạo ra công cụ lao động” - một hành vi chứng tỏ con người đã bắt đầu bước vào lịch sử xã hội và cũng là sự phân biệt bàn tay vượn - người với bàn tay con người, thì ở về thứ hai, ông khẳng định vai trò của lao động, tức là khẳng định vai trò của các yếu tố xã hội, của mặt xã hội, trong việc biến bàn tay vượn - người thành bàn tay con người. Cho nên, chỉ có “người là giống vật duy nhất có thể bằng lao động mà thoát ra khỏi trạng thái thuần tuý là loài vật”(15). Từ đó, Ph.Ăngghen khẳng định rằng, “trước hết là lao động; sau lao động và đồng thời với lao động là ngôn ngữ, đó là hai sức kích thích chủ yếu đã ảnh hưởng

(12) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.3, tr.29.

(13) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.20, tr.641.

(14) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.20, tr.643.

(15) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.20, tr.673.

đến bộ óc của con vượn, làm cho bộ óc đó dần dần biến chuyển thành bộ óc của con người”(16). Đây chính là những yếu tố xã hội quan trọng nhất làm cho con người khác với vượn - người, làm cho vượn - người trở thành con người. Việc Ph.Ăngghen nói “lao động đã sáng tạo ra bản thân con người”(17) chính là theo ý nghĩa đó.

Như vậy, khác với những người đi trước mình khi tất cả họ đều chỉ xem xét con người từ mặt tự nhiên, mặt sinh học, C.Mác và Ph.Ăngghen đã tập trung xem xét con người từ mặt xã hội sau khi đã thừa nhận rằng, con người vốn dĩ thoát thai từ động vật, có tổ tiên của mình là động vật. Cách xem xét đó đã giúp các ông vạch ra được chỗ khác nhau cơ bản giữa con người và con vật, giữa loài người và loài vật, chỉ ra được cái làm cho vượn - người trở thành con người. Đó là cống hiến hết sức quan trọng của C.Mác và Ph.Ăngghen cho triết học nói riêng và khoa học nói chung.

Tuy nhiên, trình độ khoa học tự nhiên thế kỷ XIX chưa cho phép các nhà khoa học, các nhà tư tưởng, kể cả C.Mác và Ph.Ăngghen, đi xa hơn những gì mà họ đã viết ra. Họ chưa có điều kiện để hiểu rõ hơn mặt cấu tạo sinh học vì mô của con người cũng như sự tương đồng và sự khác biệt trong cấu trúc cơ thể của loài vượn - người và loài người. Họ cũng chưa hiểu được các quy luật di truyền, chưa hiểu rõ được vai trò của rất nhiều tác nhân gây đột biến có ở trong thiên nhiên và nhất là chưa hiểu rõ được cái cốt lõi nhất phân biệt một loài này với một loài khác. Tất cả những điều này đang ngày càng sáng tỏ hơn dưới ánh sáng của khoa học hiện đại, trước hết là của các định luật di truyền, của lý thuyết đột biến.

Sinh học hiện đại, cụ thể là di truyền học, đã cho chúng ta cơ sở khoa học chắc chắn để hiểu được rằng, mỗi loài sinh vật đều có một bộ nhiễm sắc thể đặc trưng với số lượng không đổi, với một loại ADN đặc trưng của riêng nó chừng nào nó còn tồn tại với tính cách loài, nghĩa là khi nó chưa có những đột biến có thể dẫn đến sự hình thành một loài mới. Điều đó cũng có nghĩa là để loài người trở thành loài người như ngày nay thì nó đã phải được chuẩn bị từ một sự đột biến nào đó từ một loài gần với nó, phải có sự cải biến nào đó về thông tin di truyền. Nói cách khác, về mặt sinh học đã phải có một loài gần với nó do các tác nhân gây đột biến nào đó trong thiên nhiên đã làm tăng lên hoặc làm giảm đi một số lượng nhất định nhiễm sắc thể vốn có. Một số cá thể có đột biến như vậy sống sót được qua con đường chọn lọc tự nhiên nhờ có được những tính trạng mới, cách cấu tạo cơ thể mới, thích nghi với điều kiện sống mới, như S.Đácquyn nói, sẽ hợp thành quần thể mới. Các quần thể mới này, theo lý thuyết di truyền học quần thể hiện đại, là cơ sở để hình thành nên loài mới. Như vậy, rất có thể đã có một lúc nào đó vượn - người bậc cao với 48 nhiễm sắc thể dưới tác động của các tác nhân đột biến, nhất là các nguồn phóng xạ trong tự nhiên(18) sinh ra từ các

(16) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr.646.

(17) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.20, tr.641.

(18) Nét độc đáo của điều kiện tự nhiên nơi hiện nay được coi là quê hương đầu tiên của con người, vào thời xuất hiện con người từ những đứt gãy (rift) vĩ đại của vỏ Trái đất ở Đông Phi đã phát ra lượng *magma* phóng xạ cực lớn, còn tại Nam Phi thì cực giàu về via dày *quặng uran* và *thời phóng xạ*. Vì vậy, các nhà khoa học cho rằng, nhiều triệu năm trước đã từng có lò phản ứng hạt nhân tự nhiên đã hoạt động ở đây. Xem: Г.Н.Матюшин. *У истоков человечества*. Москва, “Мысль”, 1982.

quá trình kiến tạo địa chất phức tạp, đã bị mất đi 2 nhiễm sắc thể trong tế bào sinh sản và qua sinh sản đã để lại hậu thế có số lượng nhiễm sắc thể như chúng ta ngày nay là 46. Đây chính là bước ngoặt quan trọng nhất dẫn đến sự hình thành loài mới và chính loài mới này có dáng đi thẳng, đi bằng hai chân, có ít lông trên cơ thể, có cấu tạo cuống họng khác với cuống họng của tổ tiên nên đã có thể phát ra những âm thanh đặc biệt, có hoạt động sinh sản đặc biệt và nhất là có một bộ óc lớn tiềm ẩn khả năng tư duy, v.v. hơn hẳn tổ tiên của mình. Loài mới này có bản tính sinh học khác hơn các loài đã có để trở thành loài thông minh, loài người biết suy nghĩ, loài người hiện đại (*Homo sapiens*) của *họ người*, trong bộ linh trưởng, thuộc lớp có vú. Trên trái đất ngày nay hiện có ba loài trong *chi Homo* là *tinh tinh thường* (*Homo troglodytes*), *tinh tinh lùn* (*Homo paniscus*) và *con người* (*Homo sapien*), mà theo sự phân tích di truyền học thì AND của chúng rất giống nhau, chúng chỉ khác nhau có 1,6% trong bộ mã di truyền; khác nhau rất ít, chẳng hạn, chỉ một hoặc hai vị trí các axit amin trong hemôglôbin(19). Tuy nhiên, chính những sự khác biệt nhỏ nhất ấy lại dẫn đến những sự khác biệt rất quan trọng giữa người và tinh tinh (được gọi là vượn người hiện đại).

Những bằng chứng mà ngành khảo cổ học thu được ở châu Phi (Kênia, Tandia, Êtiôpi) của gia đình L.Liki (Louis Leakey) và nhiều nhà khoa học khác trong suốt nửa thế kỷ qua cho thấy, thời gian xuất hiện của tổ tiên con người ngày nay không còn tính bằng vạn năm nữa, mà bằng triệu

năm (theo một số tài liệu con số đó đã lên tới từ 6 đến 8 triệu năm). Trong ít nhất hơn 6 triệu năm trước đó, *họ người* có thể đã tách ra thành ba loài khác nhau, trong số đó chỉ có một loài sống được - đó là loài người, còn các loài khác trong họ này đã bị tuyệt chủng (chẳng hạn, Zinjpirantrôp, Ôstralôpítec châu Phi, Rôbustus, v.v.).

Đặc biệt, các phát hiện ra di cốt Ôstralôpítec châu Phi "đi thẳng" có độ tuổi 5,5 triệu năm cho đến di cốt Kêniapítec có độ tuổi 9 triệu năm cho thấy sự hình thành họ người và con người về mặt sinh học sớm hơn rất nhiều trước khi họ biết chế tạo công cụ bằng đá. Điều đó có nghĩa là, các phát hiện đó cho thấy từ rất lâu trước khi con người xuất hiện thì dáng đi thẳng đã xuất hiện ở tổ tiên con người rồi. Những phát hiện trên cũng góp phần khẳng định rằng, để có thể tiến hành các hành vi lao động thì *con người phải được chuẩn bị về mặt sinh học trước đã*, nghĩa là mặt sinh học là cơ sở tồn tại của mặt xã hội. Những phát hiện đó còn cho phép chúng ta tin rằng, con người xuất hiện trước tiên ở châu Phi (Đông Phi và Nam Phi) như S.Đácuy-n nói hay ở những vùng có khí hậu ẩm áp rồi sau đó rất lâu mới tiến dần đến sống ở các vùng có khí hậu lạnh lẽo hơn, khắc nghiệt hơn như Ph.Ăngghen đã từng dự đoán.

Nói cách khác, sự đột biến tự nhiên ở loài vượn - người đã sản sinh ra những đứa con "khác thường", những "quái thai" theo

(19) Xem: Jared Diamond. *Loài tinh tinh thứ ba. Sự tiến hoá và tương lai của loài người*. Nxb Tri thức, Hà Nội, 2007; Г.Н.Матюшин. *У истоков человечества*. Москва, "Мысль", 1982.

quan điểm sinh học, với những tính trạng mới chưa có ở tổ tiên của nó, nghĩa là hình thành một loài hoàn toàn mới về mặt sinh học. Loài mới này - loài người - cũng đã mất đi nhiều tính trạng mà tổ tiên nó đã từng có, như răng to, bè và khoẻ, sức mạnh về thể chất, v.v.. Vì vậy, nó phải chống chọi với những điều kiện khắc nghiệt để tồn tại, phải phát triển các năng lực bẩm sinh, phải học cách sử dụng các công cụ thay cho những chiếc răng to, sắc nhọn đã mất để có thể giúp cho việc tiêu hoá thức ăn, v.v.. Chính trí thông minh đã giúp cho loài mới này khắc phục được những điểm yếu so với tổ tiên của mình. Cùng với đó, loài mới này - loài người - cũng kế tục "tính hợp quần" của "những động vật có tính hợp quần", tính xã hội sơ đẳng vốn đã có ở các loài động vật và ở tổ tiên mình rồi nhờ lao động, đã biết *chế tạo ra công cụ lao động*(20), để từ đó con người bước vào lịch sử xã hội của mình và "lao động đã sáng tạo ra chính bản thân con người" như Ph.Ăngghen đã nói.

Như vậy, mặc dù khoa học thế kỷ XIX chưa có nhiều tài liệu làm cơ sở cho việc nghiên cứu con người, song C.Mác và Ph.Ăngghen đã nêu lên những tư tưởng quan trọng về con người, trong đó khẳng định nguồn gốc tự nhiên, nguồn gốc động vật, bắt nguồn từ loài vượn và vai trò quan trọng của yếu tố xã hội, của hoạt động lao động, trong sự phát triển của con người. Nếu tách ra khỏi xã hội loài người thì con người không thể có sự phát triển bình thường với tư cách là cá thể của loài. Khoa học hiện đại, tiêu biểu là khảo cổ học, các

bộ môn di truyền học, sinh học phân tử, v.v. đã làm sáng tỏ những điều mà vào thế kỷ XIX các nhà khoa học lỗi lạc của nhân loại chưa thể với tới, mặc dù đã có những phỏng đoán lý thuyết về nguồn gốc của con người. Quá trình tiến hoá tự nhiên của các loài, như một tất yếu, đã chuẩn bị *cơ sở sinh học* cho sự ra đời của một loài với những phẩm chất mà không một loài nào trong số các loài sinh vật có được và là cơ sở để loài này bước vào lĩnh vực lịch sử xã hội. Với loài này - *loài người*, mặt sinh học và mặt xã hội đã quyện chặt với nhau, không còn tồn tại thiếu nhau hoặc tách biệt nhau. Tuy nhiên, những bí mật về con người, về nguồn gốc, về thời gian và địa điểm xuất hiện chính xác của loài người, v.v. vẫn còn rất nhiều điều cần khám phá.

Từ bốn thí dụ cụ thể trên đây, có thể nói rằng, trước những biến động lớn của thời đại, của khoa học hiện đại, cần nhận thức lại cho đúng, cần bổ sung thêm, cần phát triển những luận điểm triết học mà các nhà kinh điển của triết học Mác đã nêu. Đó cũng là cơ sở để chúng ta có thể đối thoại với các nhà triết học thế giới và cũng là một trong những điều kiện giúp chúng ta hội nhập tốt hơn với thế giới trong điều kiện toàn cầu hoá hiện nay. □

(20) Mặc dù *tinh tinh* cũng biết sử dụng công cụ trong "lao động" nhưng nó không thể chế tạo được những công cụ để chế tạo ra những công cụ khác; "lao động" của nó là những hành động thất thường, không thường xuyên, mang tính ngẫu nhiên chứ không phải là hoạt động hợp lý, có mục đích và có hệ thống. Đúng như Ph.Ăngghen nhận xét: "Chưa hề có một bàn tay vượn nào có thể chế tạo ra được một con dao bằng đá dù thô sơ nhất" (C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.20, tr.643).